

Số: 38 /2015/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng  
giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/9/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại tờ trình số 1390/TTr-SGTVT-QLHT ngày 03 tháng 11 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Các Bộ: Tư pháp, Giao thông vận tải (b/c);
- TTTU, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- các Thành viên UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các P.CVP;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT-TH, CN.XDCB, NN-TN.



**Nguyễn Tử Quỳnh**

## QUY ĐỊNH

### Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 13/12/2015)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường bộ* gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.  
2. *Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ* gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

3. *Hành lang an toàn đường bộ* là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ, tính từ mép ngoài đất của đường bộ ra hai bên để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ.

4. *Công trình đường bộ* gồm đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

5. *Đường chính* là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

6. *Đường nhánh* là đường nối vào đường chính.

7. *Đường gom* là đường để gom hệ thống đường giao thông nội bộ của các khu đô thị, công nghiệp, kinh tế, dân cư, thương mại - dịch vụ và các đường khác vào đường chính hoặc vào đường nhánh trước khi đầu nối vào đường chính.

8. *Đường tỉnh* là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. *Đường huyện* là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

10. *Đường đô thị* là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị.

11. *Đường xã* là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

12. *Đường trục chính trong đô thị* là đường đô thị lòng đường rộng tối thiểu 10,5 m, có chiều dài tuyến tối thiểu từ 500,0 m trở lên.

13. *Đường chuyên dùng* là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức cá nhân.

14. *Cơ quan quản lý đường bộ* là Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã).

15. *Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ* là các tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì và khai thác công trình, đường bộ. Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

## **Chương II**

### **BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 3. Phạm vi đất dành cho đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP) và Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ dùng để giữ vật tư sử dụng cho bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, để chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên như sau:

- a) 03 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, đường cấp II;
- b) 02 mét đối với đường cấp III;
- c) 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

3. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất dành cho đường bộ và thực hiện như sau:

Đối với đất của đường bộ, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với đất hành lang an toàn đường bộ: Chủ đầu tư tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy định như đối với hành lang đường bộ đang khai thác. Trường hợp công trình và các tài sản khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì chủ đầu tư tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Đối với đường bộ đang khai thác, cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương xác định giới hạn đất dành cho đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và lập kế hoạch thực hiện các công việc dưới đây:

a) Rà soát, xác định giới hạn phần đất của đường bộ; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Rà soát, xác định giới hạn phần đất hành lang an toàn đường bộ; tiến hành cắm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy hoạch; lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

#### **Điều 4. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Hành lang an toàn đường bộ là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ xác định theo quy hoạch đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được quy định như sau:

1. Đối với đường ngoài đô thị: Căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, phạm vi hành lang an toàn đường bộ có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra mỗi bên là:

- a) 17 mét đối với đường cấp I, cấp II;
- b) 13 mét đối với đường cấp III;
- c) 09 mét đối với đường cấp IV, cấp V;
- d) 04 mét đối với đường có cấp thấp hơn cấp V.

2. Đối với đường đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường sắt thì phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang

an toàn cho đường sắt, nhưng ranh giới hành lang an toàn dành cho đường sắt không được chồng lên công trình đường bộ.

Trường hợp đường bộ, đường sắt liền kề và chung nhau rãnh dọc thì ranh giới hành lang an toàn là mép đáy rãnh phía nền đường cao hơn, nếu cao độ bằng nhau thì ranh giới hành lang an toàn là mép đáy rãnh phía đường sắt.

4. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa thì ranh giới hành lang an toàn là mép bờ tự nhiên.

#### **Điều 5. Giới hạn hành lang an toàn đối với cầu, cống**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1; Điểm a, Điểm c Khoản 2; Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường ngoài đô thị

a) Theo chiều dọc cầu tính từ đuôi mố cầu ra mỗi bên:

- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét trở lên;

- 30 mét đối với cầu có chiều dài dưới 60 mét.

b) Theo chiều ngang cầu tính từ mép ngoài cùng đất của đường bộ trở ra mỗi phía:

- 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét;

- 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét;

- 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét;

- 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

2. Hành lang an toàn đối với cầu trên đường trong đô thị

a) Theo chiều dọc cầu được xác định như đối với cầu trên đường ngoài đô thị;

b) Theo chiều ngang cầu, đối với phần cầu chạy trên cạn kể cả phần cầu chạy trên phần đất không ngập nước thường xuyên và các cầu bắc qua sông, kênh, rạch không có hoạt động vận tải đường thủy được tính từ mép ngoài lan can ngoài cùng của cầu ra mỗi bên 07 mét, phần mố cầu lấy như hành lang đường đô thị; đối với phần cầu còn lại, quy định như Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Tại các nút giao thông đô thị, các cầu vượt, hầm chui và cầu dành cho người đi bộ qua đường theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hành lang an toàn đối với cống tương ứng với hành lang an toàn đường bộ nơi đặt cống.

#### **Điều 6. Giới hạn hành lang an toàn đối với hầm đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với hầm đường bộ ngoài đô thị là vùng đất, vùng nước xung quanh công trình được tính từ điểm ngoài cùng của công trình hầm trở ra là 100 mét.

2. Đối với hầm đường bộ trong đô thị do tư vấn thiết kế xác định trên cơ sở đảm bảo an toàn bền vững hầm trong hồ sơ thiết kế và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 7. Giới hạn hành lang an toàn đối với bến phà, cầu phao**

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Theo chiều dọc: Bằng chiều dài đường xuống bến phà, cầu phao.
2. Theo chiều ngang: Từ tim bến phà, cầu phao trở ra mỗi phía thượng lưu, hạ lưu là 150 mét.

### **Điều 8. Giới hạn hành lang an toàn đối với kè bảo vệ đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Kè chống xói để bảo vệ nền đường
  - a) Từ đầu kè và từ cuối kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét;
  - b) Từ chân kè trở ra sông 20 mét.
2. Kè chỉnh trị dòng nước
  - a) Từ chân kè về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100 mét;
  - b) Từ gốc kè trở vào bờ 50 mét;
  - c) Từ chân đầu kè trở ra sông 20 mét.
3. Trường hợp hành lang an toàn của kè bảo vệ đường bộ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này chồng lấn với hành lang an toàn của đê điều thì ranh giới là điểm giữa của khoảng cách giữa hai điểm ngoài cùng của hai công trình.

### **Điều 9. Giới hạn bảo vệ trên không của công trình đường bộ xây dựng mới**

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với đường là 4,75 mét tính từ điểm cao nhất của mặt đường trở lên theo phương thẳng đứng. Đối với đường cao tốc theo tiêu chuẩn quốc gia.
2. Đối với cầu là bộ phận kết cấu cao nhất của cầu, nhưng không thấp hơn 4,75 mét tính từ điểm cao nhất của mặt cầu (phần xe chạy) trở lên theo phương thẳng đứng.
3. Chiều cao đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu từ điểm cao nhất của mặt đường đến đường dây thông tin theo phương thẳng đứng là 5,50 mét.
4. Chiều cao đường dây tải điện đi phía trên đường bộ hoặc gắn trực tiếp trên kết cấu của cầu phải bảo đảm an toàn cho hoạt động giao thông vận tải và an toàn lưới điện tùy theo điện áp của đường dây điện.

### **Điều 10. Khoảng cách các công trình đến công trình đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Các cơ sở sản xuất có vùng ảnh hưởng khói bụi, ô nhiễm không khí làm giảm tầm nhìn phải cách ranh giới ngoài của hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách tương ứng vùng ảnh hưởng do cơ sở sản xuất gây ra.
2. Lò vôi, lò gạch hoặc các cơ sở sản xuất tương tự phải nằm ngoài và cách hành lang an toàn đường bộ 25 mét.
3. Chợ, điểm kinh doanh dịch vụ bố trí bãi dừng đỗ xe, nơi tập kết hàng hóa phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và tổ chức điểm đầu nối ra, vào đường bộ theo quy định.

4. Các kho chứa vật liệu nổ, vật liệu có nguy cơ cháy cao, hóa chất độc hại, các mỏ khai thác vật liệu có sử dụng mìn phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách bảo đảm an toàn cho hoạt động giao thông vận tải do cháy, nổ và ô nhiễm theo quy định của pháp luật.

5. Các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác, trừ các công trình đã quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và cách hành lang an toàn đường bộ một khoảng cách theo không gian kiến trúc quy định về khoảng cách xây dựng công trình.

6. Các công trình khác ở ngoài hành lang an toàn đường bộ nhưng ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ thì chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng phải khắc phục, sửa chữa kịp thời.

#### **Điều 11. Khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với công trình thiết yếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT), cụ thể như sau:

1. Công trình thiết yếu quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép xây dựng nằm trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả phần dưới mặt nước) phải ở chiều sâu hoặc khoảng cách theo chiều ngang không làm ảnh hưởng đến quản lý, bảo trì, khai thác và sự bền vững công trình đường bộ. Chiều sâu và khoảng cách theo chiều ngang do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định cụ thể trong văn bản chấp thuận xây dựng công trình.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu (nằm trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ) phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu như sau:

a) Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) lớn hơn 4,0m (bốn mét), khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột.

b) Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) nhỏ hơn hoặc bằng 4,0m (bốn mét), khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 05 mét (năm mét).

c) Trường hợp đường bộ đi qua khu vực nội thành, nội thị, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang bằng bề rộng của chỉ giới xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Chương III**

## **SỬ DỤNG, KHAI THÁC ĐẤT TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 12. Sử dụng đất dành cho đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đất dành cho đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ, sử dụng và khai thác để phục vụ cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ, trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

2. Việc xây dựng một số công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải bảo đảm khai thác an toàn công trình đường bộ và chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Công trình phục vụ yêu cầu bảo đảm an ninh, quốc phòng;

b) Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ.

3. Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và có hệ thống đường gom nằm ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom, không được sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ, đường đầu nối; trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đầu nối vào đường tỉnh thì vị trí đầu nối phải đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

4. Không được sử dụng đất dành cho đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ; neo đậu tàu, thuyền và xây dựng các công trình làm thay đổi dòng chảy, gây xói lở mất an toàn công trình cầu, cầu phao, bến phà, kè chỉnh trị dòng nước và kè chống xói nền đường.

### **Điều 13. Khai thác, sử dụng trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Đất hành lang an toàn đường bộ được tạm thời sử dụng vào mục đích nông nghiệp, quảng cáo nhưng không được ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường bộ và tuân theo quy định sau đây:

1. Các ao, hồ nuôi trồng thủy sản phải cách mép chân đường một khoảng tối thiểu bằng mức chênh lệch về độ cao giữa mép chân nền đường đắp và đáy ao, hồ. Mức nước trong ao, hồ không được cao hơn cao độ chân nền đường.

Không làm ao, hồ nuôi trồng thủy sản hoặc tích nước phía trên ta luy nền đường đào.

2. Trường hợp trồng cây lương thực, hoa màu, cây ăn quả thì chiều cao của cây không cao quá 0,9 mét (so với mặt đường) ở đoạn nền đường đắp trong khu vực đường cong, nơi giao nhau của đường bộ, giao cắt đường bộ với đường sắt, che khuất tầm nhìn; đối với đường đào thì phải trồng cách mép ngoài dải đất của đường bộ ít nhất là 06 mét.

3. Các mương phải cách mép ngoài đất của đường bộ một khoảng cách tối thiểu bằng chiều sâu của mương và mức nước thiết kế an toàn trong mương không được cao hơn cao độ chân nền đường.

4. Các cửa hàng bán lẻ xăng dầu phải được xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ, theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về vị trí và thiết kế đoạn đường dẫn vào cửa hàng bán lẻ xăng dầu qua phần đất hành lang an

toàn đường bộ, bao gồm thiết kế điểm đầu nối với đường hiện có, bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn của đoạn đường đang khai thác.

5. Các biển quảng cáo lắp đặt tạm thời trong hành lang an toàn đường bộ, không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận.

Biển quảng cáo lắp đặt ngoài hành lang an toàn đường bộ không được gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

6. Việc sử dụng hành lang an toàn đường bộ liên quan đến công trình an ninh, quốc phòng liên hệ phải có ý kiến thống nhất của Công an tỉnh hoặc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

7. Các công trình xây dựng trên đất hành lang an toàn đường bộ chỉ được thi công khi đã được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp Giấy phép thi công và đã tổ chức bảo đảm giao thông theo quy định.

8. Chủ đầu tư công trình sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục về thoả thuận, chấp thuận thiết kế (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công - tùy theo quy mô, tính chất của công trình xây dựng, sau đây gọi chung là thiết kế), thẩm định thiết kế (nếu cần thiết) và cấp Giấy phép thi công theo quy định tại Chương IV, Chương V của Quy định này và quy định liên quan khác của pháp luật;

b) Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

c) Không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, kinh phí liên quan.

9. Trường hợp công trình trên đất hành lang an toàn đường bộ có trước khi quy định về quản lý hành lang an toàn đường bộ có hiệu lực, đúng với mục đích sử dụng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan có thẩm quyền cấp, không ảnh hưởng đến an toàn giao thông thì được tiếp tục sử dụng.

Khi có yêu cầu thu hồi đất để nâng cấp, cải tạo công trình giao thông thì Chủ đầu tư tiến hành việc nâng cấp, cải tạo công trình giao thông phải bồi thường, hỗ trợ cho chủ công trình bị dỡ bỏ theo quy định của pháp luật.

#### **Chương IV**

### **THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 14. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT), cụ thể như sau:

1. Công trình thiết yếu bao gồm:

a) Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh;

- b) Công trình phục vụ quản lý, khai thác đường bộ;
- c) Công trình viễn thông, điện lực, đường ống cấp, thoát nước, xăng, dầu, khí;
- d) Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; công trình phải bố trí trên cùng một mặt bằng với công trình đường bộ để bảo đảm tính đồng bộ và tiết kiệm.

2. Trường hợp không thể xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công trình thiết yếu có thể được cơ quan có thẩm quyền xem xét cho phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Trường hợp xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, việc xây dựng công trình thiết yếu phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận.

4. Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công theo quy định tại Khoản 2 Điều này, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển phần công trình đã được chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công; Chủ đầu tư hoặc Chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng công trình thiết yếu.

#### **Điều 15. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường bộ**

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết.

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với dự án liên quan đến đường tỉnh, đường trục chính trong đô thị được giao quản lý.

b) UBND cấp huyện chấp thuận đối với dự án liên quan đến đường huyện, đường đô thị trên địa bàn.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại "Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh" tại thời điểm hiện hành.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu: theo quy định tại "Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh" tại thời điểm hiện hành; kèm theo bản Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kinh phí liên quan.

4. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

b) Thời gian giải quyết: trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Thời gian gia hạn: chỉ gia hạn một (01) lần với thời gian không quá 12 tháng.

**Điều 16. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường bộ**

1. Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền;

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình;

c) Phê duyệt dự án xây dựng công trình theo quy định hiện hành;

d) Gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại "Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh" tại thời điểm hiện hành.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu theo quy định tại "Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh" tại thời điểm hiện hành.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề đối với công trình đường bộ.

5. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

6. Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

7. Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

**Điều 17. Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác**

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ, tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 (một phẩy ba) lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 (năm) mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác được phân cấp như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận xây dựng biển quảng cáo đối với đường tỉnh, đường trục chính đô thị được giao quản lý;

b) UBND cấp huyện chấp thuận xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống đường huyện, đường đô thị;

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng hoặc cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

### **Điều 18. Đảm bảo chất lượng hoàn trả hạng mục công trình đường bộ**

1. Đặt cọc đảm bảo chất lượng hoàn trả hạng mục công trình đường bộ:

Chủ đầu tư công trình thiết yếu hoặc nhà thầu thi công công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ trước khi được cấp giấy phép thi công phải nộp cho cơ quan quản lý đường bộ một khoản tiền đặt cọc để đảm bảo chất lượng công tác hoàn trả công trình đường bộ (sau đây gọi là tiền đặt cọc).

1.1. Tiền đặt cọc có thể bằng một trong các hình thức: nộp tiền mặt trực tiếp tại cơ quan quản lý đường bộ; hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi của cơ quan quản lý đường bộ.

1.2. Trong thời gian 03 (ba) tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình thiết yếu, nếu hạng mục hoàn trả công trình đường bộ bị hư hỏng do lỗi thi công và chủ đầu tư công trình thiết yếu không thực hiện sửa chữa các hư hỏng sau 05 (năm) ngày từ khi nhận được thông báo của cơ quan quản lý đường bộ, thì cơ quan quản lý đường bộ có quyền sử dụng tiền đặt cọc để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa.

1.3. Cơ quan quản lý đường bộ hoàn trả lại toàn bộ tiền đặt cọc cho đơn vị đặt cọc hoặc một phần còn lại tiền đặt cọc sau khi khấu trừ kinh phí sửa chữa hư hỏng (nếu có) sau thời gian 03 (ba) tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình thiết yếu.

1.4. Giá trị tiền đặt cọc:

Giá trị tiền đặt cọc được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) giá trị dự toán hoàn trả hạng mục công trình đường bộ và không nhỏ hơn 10 triệu đồng, quy định cụ thể như sau:

a) Công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách:

Bằng 50% giá trị hoàn trả hạng mục công trình đường bộ đối với công trình có giá trị kinh phí dự toán hoàn trả hạng mục công trình đường bộ được duyệt nhỏ hơn hoặc bằng 100 triệu đồng;

Bằng 20% giá trị hoàn trả hạng mục công trình đường bộ đối với công trình có giá trị kinh phí dự toán hoàn trả hạng mục đường bộ được duyệt lớn hơn 100 và nhỏ hơn 1.000 triệu đồng.

b) Công trình không sử dụng nguồn vốn ngân sách:

Bằng 100% giá trị kinh phí dự toán hoàn trả hạng mục công trình đường bộ được duyệt.

c) Trường hợp đặc biệt đối với các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi lòng đường có quy mô phức tạp, khối lượng và kinh phí lớn hơn 1.000 triệu đồng thì giá trị tiền đặt cọc đảm bảo chất lượng hoàn trả công trình đường bộ sẽ được thương thảo giữa các bên liên quan như chủ đầu tư, nhà thầu thi công công trình thiết yếu và cơ quan quản lý đường bộ. Giá trị tối đa không quá 300 triệu đồng.

2. Bảo hành hoàn trả hạng mục công trình đường bộ:

2.1. Sau khi cơ quan quản lý đường bộ hoàn trả tiền đặt cọc cho đơn vị thì việc đảm bảo chất lượng hoàn trả công trình đường bộ thực hiện theo quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng hiện hành.

2.2. Trong thời gian bảo hành, nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải thực hiện việc bảo hành trong vòng 21 (hai một) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan quản lý đường bộ; trong khoảng thời gian này, nếu nhà thầu thi công công trình thiết yếu không tiến hành sửa chữa các hư hỏng do lỗi thi công hoàn trả công trình đường bộ, thì cơ quan quản lý đường bộ có quyền sử dụng tiền bảo hành công trình thiết yếu để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa.

2.3. Sau khi hết thời gian bảo hành theo quy định; các hư hỏng trong quá trình bảo hành (nếu có) được nhà thầu thi công công trình thiết yếu chấp hành; chủ đầu tư công trình thiết yếu và cơ quan quản lý đường bộ tổ chức nghiệm thu hết bảo hành hạng mục hoàn trả công trình đường bộ. Biên bản nghiệm thu hết bảo hành hạng mục hoàn trả công trình đường bộ là cơ sở pháp lý để chủ đầu tư công trình thiết yếu thanh toán tiền bảo hành công trình hoặc thanh lý hợp đồng với nhà thầu thi công công trình thiết yếu.

## Chương V

### ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG TỈNH

#### Điều 19. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào tỉnh bao gồm:

- a) Đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường thôn xóm;
- b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ;
- c) Đường chuyên dùng: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ;
- d) Đường gom, đường nối từ đường gom.

2. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối thuộc quy hoạch điểm đầu nối vào đường tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh:

a) Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào đường tỉnh của đường nhánh:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch đô thị phê duyệt, nhưng không nhỏ hơn 200m (hai trăm mét).

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị:

+ Đối với tuyến đường xây dựng mới khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể là: đối với đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 1500m (một nghìn năm trăm mét), đối với đường cấp III và cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1000m (một nghìn mét);

+ Đối với đường hiện hữu cấp I, cấp II, cấp III khoảng cách không nhỏ hơn 1000m (một nghìn mét), đường cấp IV và cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 500m (năm trăm mét).

b) Khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề (tính từ điểm giữa của cửa hàng) đầu nối đường dẫn ra, vào với đường tỉnh, vừa phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối, đồng thời vừa phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu như sau:

- Trong khu vực nội thành, nội thị các đô thị (theo quy định của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị): Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên đường không nhỏ hơn 2000 m (Hai nghìn mét),

- Ngoài khu vực nội thành, nội thị các đô thị: Khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên của đoạn đường tỉnh không nhỏ hơn 6000m (sáu nghìn mét).

c) Đối với cửa hàng xăng dầu được quy hoạch ở lân cận hoặc trùng với điểm đầu nối của đường nhánh khác, phải điều chỉnh để tại vị trí đó chỉ tồn tại một điểm đầu nối theo hướng ưu tiên điểm đầu nối của công trình có trước hoặc sử dụng chung.

### **Điều 20. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh**

1. Sau khi có văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của Sở Giao thông vận tải, chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao phải thực hiện các thủ tục dưới đây để đảm bảo công trình nút giao được phê duyệt thiết kế và triển khai thi công:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao, biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông theo ý kiến thỏa thuận của Sở GTVT;

b) Thẩm định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định;

c) Gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến Sở GTVT đề nghị cấp phép thi công công trình.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo quy định tại "Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh" tại thời điểm hiện hành.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào đường tỉnh theo quy định tại "Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Giao thông vận tải tỉnh Bắc Ninh" tại thời điểm hiện hành.

4. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ; nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

7. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

### **Điều 21. Đầu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh đang khai thác**

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; hết thời hạn đầu nối tạm sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đầu nối tạm quy định tại Khoản 1 Điều này bằng tiến độ thi công của dự án nhưng không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn một lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nối tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nối tạm và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu.

Trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nối từ dự án đến nút giao điểm đầu nối gần nhất có trong Quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

3. Trình tự thực hiện, hồ sơ và thời hạn chấp thuận xây dựng đầu nối tạm thời thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu nối tạm thời gửi về Sở Giao thông vận tải 01 bộ hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận đầu nối tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đầu nối, thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm;

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);

- Văn bản của Sở Giao thông vận tải về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đầu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đầu nối tạm, đề xuất phương án xử lý;

- Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đầu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

b) Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận đầu nối tạm thời trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp không chấp thuận đầu nối tạm thời phải trả lời bằng văn bản.

4. Việc cấp giấy phép thi công điểm đầu nối tạm thời thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy định này.

#### **Điều 22. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Dỡ bỏ ngay các công trình gây nguy hại đến sự ổn định của công trình đường bộ và an toàn hoạt động giao thông vận tải đường bộ.

2. Những công trình xét thấy chưa ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định của công trình đường bộ và an toàn giao thông đường bộ thì trước mắt cho phép giữ nguyên hiện trạng nhưng chủ công trình phải cam kết không coi nới và thực hiện dỡ bỏ công trình khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Việc bồi thường, hỗ trợ cho chủ công trình bị dỡ bỏ thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 23. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải toả khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn đường bộ.**

Thực hiện quy định của Luật Giao thông đường bộ, Luật Đất đai, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010; Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện chỉ đạo các nhà thầu bảo trì đường bộ phối hợp với UBND cấp xã căn cứ tài liệu điều tra, lưu trữ để lập bình đồ duỗi thẳng thể hiện vị trí, thời gian xây dựng, quy mô các công trình nằm trong đất hành lang an toàn giao thông quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP theo các mốc thời gian sau đây:

1. Công trình xây dựng trước ngày 21/12/1982 là thời gian chưa có quy định cụ thể về hành lang an toàn đường bộ.

2. Công trình xây dựng từ ngày 21/12/1982 đến trước ngày 01/01/2000 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

3. Công trình xây dựng từ ngày 01/01/2000 đến trước ngày 30/11/2004 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ.

4. Công trình xây dựng từ ngày 30/11/2004 đến trước ngày 15/4/2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 186/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Công trình xây dựng từ ngày 15/4/2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

**Chương VI**  
**TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ**  
**KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 24. Trách nhiệm của Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ**

1. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm và sử dụng trái phép công trình giao thông và hành lang an toàn giao thông đường bộ; chịu trách nhiệm chính trong quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

2. Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng phương án thực hiện việc cắm mốc lộ giới trên thực địa, lập hồ sơ và bàn giao cho UBND cấp xã quản lý và bảo vệ.

3. Khi phát hiện vi phạm phải thực hiện đúng quy trình xử lý vi phạm theo quy định và phải yêu cầu đình chỉ ngay hành vi vi phạm, thông báo bằng văn bản, điện thoại và phối hợp với UBND xã để lập biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu chấm dứt các hành vi vi phạm, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra và xử lý theo thẩm quyền; Đồng thời phải báo ngay về cơ quan quản lý đường bộ để có biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ. Thường xuyên kiểm tra phát hiện các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ, yêu cầu chủ công trình, chủ sử dụng phải khắc phục kịp thời. Trường hợp chủ công trình, chủ sử dụng không tự giác thực hiện, đơn vị quản lý đường bộ phải lập hồ sơ kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Bàn giao mặt bằng thi công cho các tổ chức, cá nhân được cấp phép thi công trên đường bộ đang khai thác. Trực tiếp giám sát việc thực hiện phạm vi thi công, các quy định đảm bảo an toàn giao thông tại Quy định này và trong giấy phép thi công. Phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản và báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý đường bộ việc các tổ chức cá nhân vi phạm các quy định trong khi thi công hoặc quá trình thi công gây ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ.

5. Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo cơ quan quản lý đường bộ về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ trước ngày cuối của tháng.

6. Lập hồ sơ quản lý hành lang an toàn đường bộ các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý:

a) Hồ sơ quản lý hành lang an toàn bao gồm: Tình trạng sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ, các công trình ảnh hưởng đến an toàn đường bộ, an toàn giao thông; vi phạm, thời điểm vi phạm và quá trình xử lý vi phạm;

b) Hồ sơ đầu nối đường nhánh phải lập riêng để theo dõi và cập nhật bổ sung các vi phạm liên quan đến đầu nối đường nhánh để làm việc với các cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường bộ;

c) Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hồ sơ hoàn công các công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong hành lang an toàn đường bộ, giấy phép thi công và các văn bản liên quan khác.

## **Điều 25. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải**

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện việc quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

5. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, lực lượng công an và chính quyền địa phương thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

6. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý hoặc ủy thác quản lý.

7. Xây dựng kế hoạch ngân sách phục vụ công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh, đường trục chính đô thị được giao quản lý; thống nhất với Sở Tài chính đưa vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **Điều 26. Trách nhiệm của UBND cấp huyện**

1. Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan chuyên môn trực thuộc thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan xử lý kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh, quốc lộ uỷ thác trên địa bàn.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới người dân các quy định về phạm vi đất dành cho bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

4. Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp quản lý; quản lý, lập quy hoạch các điểm đầu nối trên địa bàn huyện, thành phố vào đường tỉnh và đề nghị Sở Giao thông vận tải thẩm định trước khi phê duyệt.

5. Bố trí ngân sách sự nghiệp giao thông hàng năm để thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hành lang an toàn đường bộ trên

các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường xã; tổ chức cắm mốc lộ giới đối với các tuyến đường được giao quản lý.

6. Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị để kịp thời khôi phục công trình, đảm bảo giao thông khi bị thiên tai, bão lũ trên các tuyến đường bộ được giao quản lý; phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ đảm bảo giao thông khi bị thiên tai, bão lũ trên các tuyến đường bộ trên địa bàn.

7. Cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường xã theo quy định.

### **Điều 27. Trách nhiệm của UBND cấp xã**

1. Chỉ đạo các lực lượng (Công an xã, giao thông - địa chính- xây dựng, trưởng khu, trưởng khối phố, trưởng thôn,..) tích cực, thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn được giao quản lý. Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý vi phạm kịp thời theo thẩm quyền các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn.

2. Huy động lực lượng tham gia công tác cưỡng chế, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo kế hoạch của UBND huyện, thành phố.

3. Tuyên truyền, phổ biến tới nhân dân các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, hành lang an toàn đường bộ.

### **Điều 28. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan**

1. Công an tỉnh chỉ đạo các lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền; Phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải, nhà thầu bảo trì đường bộ, chính quyền địa phương trong xử lý, cưỡng chế, giải tỏa vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và hướng dẫn các cơ quan thẩm định khi phê duyệt các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế kỹ thuật và cấp giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ. Đối với các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng dọc theo đường tỉnh, trước khi phê duyệt phải có ý kiến tham gia bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải hàng năm bố trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, kinh phí tổ chức giải tỏa vi phạm về hành lang an toàn đường bộ.

4. Sở Xây dựng chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; phối

hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ trong đô thị.

5. Sở Công Thương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch, xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ tuân thủ theo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành có liên quan và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung hoặc xoá bỏ theo quy hoạch hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ thương mại khác theo thẩm quyền.

6. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thuỷ lợi liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ vào mục đích nông nghiệp, đảm bảo an toàn công trình đường bộ.

7. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng công trình viễn thông tuân thủ Quy định này.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Ninh; Đài Truyền thanh cấp huyện dành thời lượng đăng tải và thường xuyên phổ biến, tuyên truyền Quy định này.

9. Các Sở, Ban ngành căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện; phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tuân thủ Quy định này.

#### **Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác có liên quan**

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ, Hạt quản lý đường bộ hoặc UBND xã nơi gần nhất về các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

2. Các Hội, Đoàn thể trên địa bàn tỉnh tuyên truyền và phối hợp các cơ quan hữu quan tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ tới các hội viên, đoàn viên.

### **Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**


#### **Điều 30. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Khen thưởng: Hàng năm Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện đánh giá, rút kinh nghiệm; các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm: Cơ quan, tổ chức, cá nhân do thiếu trách nhiệm, không xử lý các vi phạm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 31. Điều khoản thi hành**

1. Những nội dung không đề cập trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ GTVT.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. / 

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tử Quỳnh**

**PHỤ LỤC 1**  
**Mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu**  
**trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../..... . ..... , ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU**  
**TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**  
Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi: .....(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/9/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày /11/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

- (...5...)

(.....2.....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);

- Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu .....

(.....2.....)  
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

### **Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị**

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, thuộc tuyến đường, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.276, địa phận huyện Tiên Du”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 15 Quy định này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.
- (7) Ghi rõ tên đường, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải của đường, các vị trí cắt ngang qua đường (nếu có).
- (8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).
- (9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.
- (10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

## PHỤ LỤC 2

### Mẫu Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../..... . ....., ngày..... tháng.....năm 20.....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ Gia hạn xây dựng (...3...)

Kính gửi: .....(4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/9/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày /11/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

- (...5...)

(.....2.....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (...6...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu .....

(.....2.....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, thuộc tuyến đường, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.276, địa phận huyện Tiên Du”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 15 Quy định này.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.
- (6) Các tài liệu khác nếu (...2.....) thấy cần thiết./.

**PHỤ LỤC 3**  
**Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình**

(1)  
(2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../..... . . . . ., ngày..... tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**  
**Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: .....(4...)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03/9/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ Quyết định số /2015/QĐ-UBND ngày tháng năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ...tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính)..

+ (...9...)

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu .....

(.....2.....)  
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, tên tuyến đường, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.276, địa phận huyện Tiên Du”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công;
- (5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy rõ lý trình, tên đường, thuộc địa phận huyện nào.
- (8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
- (9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.
- (10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.